TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HS-ST
Ngày: 12 /8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Hoàng Văn Tấn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2021/TLST-HS ngày 13/7/2021 theo Quyết định đưa ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-HS ngày 28/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1988 tại xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Lê Thị N; Có vợ: Trần Thị T và có 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 28/02/2021 của Công an xã T, huyện V xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Họ và tên: **Đỗ Văn N**, sinh năm 1967 tại xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Đỗ Văn C và con bà Thân Thị H (Đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị H và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 28/3/2021 đến ngày 05/4/2021, hiện đang tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi Lợn D

Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Đ- Giám đốc

Ủy quyền cho ông Ngô Văn N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang, là người quản lý trại chăn nuôi lợn của gia đình ông Chu Bá T ở thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Chị Dương Thị N, sinh năm 1983; Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

5. Chị Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1986; Nơi cư trú: N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

6. Ông Chu Bá T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Nn, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Duy P- sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang nảy sinh ý định đột nhập vào trang trại chăn nuôi lợn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn D (viết tắt là Công ty D) thuê tại trang trại chăn nuôi của gia đình ông Chu Bá T- sinh năm 1962 ở thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang trộm cắp lợn giống mang đi tiêu thụ lấy tiền. Buổi tối ngày 17/3/2021, P gọi điện thoại cho Đỗ Văn N- sinh năm 1967 (ở cùng thôn) hỏi N: "Chú có mua lợn trại không", N hiểu ý của P hỏi N có mua lợn giống của trang trại không thì P sẽ đi bắt trộm lợn ở trang trại mang về bán cho N. Do gia đình N cũng có trang trại chăn nuôi lợn và biết việc mua lợn do trộm cắp mà có thì giá sẽ rẻ hơn giá bán trên thị trường nên N đồng ý. P và N thỏa thuận nếu lợn đều và đẹp thì N sẽ mua với giá 1.800.000 đồng/con; khi nào trộm cắp được lợn, P sẽ chở đến trang trại chăn nuôi của gia đình N bán cho N.

Khoảng 23 giờ ngày 19/3/2021, P một mình mang theo 01 chiếc kìm và 01 chiếc tua vít rồi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream Prealm II, biển kiểm soát 88F3- 5694 đến ngôi nhà bỏ hoang cạnh đê H (gần cầu N) thuộc thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. P để xe mô tô ở khu vực nhà bỏ hoang, sau đó cầm theo kìm và tua vít đi bộ ra đê H, lội qua Ngòi sang trang trại lợn của Công ty D ở bên kia Ngòi. Khi đi đến phía sau trang trại lợn, P quan sát thấy có một khu chuồng có nhiều con lợn giống, P tìm cách đột nhập vào bên trong trang trại để trộm cắp lợn. P đi đến chỗ ô quạt thông gió (có kích thước (1,4 x 1,4)m) ở tường phía sau khu chuồng nuôi lợn, dùng chiếc kìm mang theo cắt tấm tôn (chớp lật) bảo vệ phía sau quạt thông gió rồi cắt tiếp tấm lưới sắt nhỏ bên trong. Do bên trong có khung sắt (loại sắt to), không dùng kìm cắt được nên P trèo lên mái chuồng lợn, dùng kìm và tua vít tháo ốc vít, sau đó cậy tấm tôn lợp mái ra. P nhặt một số bao tơ dứa bên ngoài khu chuồng lợn cầm theo rồi chui người qua ô thoáng vừa cậy tấm tôn vào bên trong khu chăn nuôi lợn. P đi đến các ngăn chuồng bắt 19 con lợn giống cho vào bên trong 08 bao tơ dứa (03 bao mỗi bao 3 con, 05 bao mỗi bao 02 con). Sau đó, P vận chuyển 08 bao đựng 19 con lợn này đến gần khu vực ô để quạt thông gió lúc trước P đã cắt phá tấm tôn và lưới sắt, dùng kìm vặn ốc vít tháo khung sắt bảo vệ quạt thông gió rồi lần lượt đưa từng bao tơ dứa đựng lợn bên trong qua ô thoáng của quạt thông gió ra bên ngoài. Khi vận chuyển hết 08 bao đựng 19 con lợn ra bên ngoài, P chui qua ô thoáng ở mái chuồng lợn (lối lúc vào) ra bên ngoài. P thắt nút các đầu bao tơ dứa đựng lợn bên trong lại rồi nhặt một đoạn gậy tre ở gần đó, chọc mỗi đầu gậy vào nút thắt của 01 bao và gánh những bao đựng lợn bên trong lội qua Ngòi mang đến khu vực nhà bỏ hoang (P vận chuyển làm 4 chuyến, mỗi chuyến được 02 bao). Do điện thoại bị nước ngấm bị hỏng nên P đi bộ đến trang trại lợn của gia đình Đỗ Văn N gọi N mở cổng để P mang lợn đến. Khoảng 03 giờ ngày 20/3/2021, P đi đến khu vực trang trại lợn của gia đình N (cách khu nhà bỏ hoang khoảng 500m), gọi N và nói: "Bác mở cổng cháu chở lợn vào". Lúc này, N biết là P đã trộm cắp được lợn mang đến bán cho N nên N ra mở cổng. P đi bộ quay lại khu nhà bỏ hoang, sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 88F3- 5694 chở 08 bao tơ dứa bên trong có 19 con lợn mang đến trang trại chăn nuôi của gia đình N (P chở làm 02 chuyến, một chuyến 05 bao, một chuyến 03 bao). Tại đây, P và N thỏa thuận N mua của P 19 con lợn giống với giá 33.000.000 đồng. Nghĩa thanh toán trả tiền cho P làm nhiều lần và sau đó N xin bớt 500.000 đồng nên N thanh toán cho P tổng số tiền 32.500.000 đồng. Số tiền này, P đã sử dụng trả nợ cho một người tên L (P không biết họ và tên đệm, chỉ biết sinh năm 1986 ở xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đang làm việc tại Công ty may H) số tiền 5.000.000 đồng; mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo tại cửa hàng điện thoại của chị Phạm Thị Thanh B- sinh năm 1986 ở tổ dân phố N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang với giá 3.000.000

đồng và đưa cho chị Dương Thị N- sinh năm 1983, trú tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang số tiền 6.000.000 đồng để đặt cọc thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1- 917.68; số tiền còn lại P sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Buổi sáng ngày 20/3/2021, anh Ngô Văn N- sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là quản lý Trang trại lợn của Công ty D) tiến hành kiểm đếm đã phát hiện bị mất 19 con lợn giống nên đã làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện Việt Yên.

Ngày 27/3/2021, Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N đến Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên đầu thú. Quá trình đầu thú, P đã giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart và 01 chiếc ví da, bên trong có số tiền 1.600.000 đồng; N giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906. N và gia đình đã giao nộp 19 con lợn giống (có trọng lượng từ 5kg đến 8,5kg) mà N đã mua của P, Cơ quan điều tra đã tạm giao số lợn này cho Công ty D (do anh Ngô Văn N đại diện) để tiếp tục chăn nuôi.

Cùng ngày 27/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Duy P ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình khám xét thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 88F3- 5694; 01 chiếc kìm cộng lực màu đen dài 75cm; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen dài 23cm; 01 chiếc tua vít dài 30cm, chuôi bằng nhựa, màu sọc đỏ - trắng; 01 chiếc tua vít dài 20cm, chuôi bằng nhựa màu vàng đen; 01 chiếc tua vít dài 25cm, chuôi bằng cao su màu đen và 01 chiếc kìm dài 18cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 31 ngày 02/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên đã kết luận: 19 con lợn giống siêu nạc có trọng lượng từ 05kg đến 8,5kg có trị giá 45.600.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã tiến hành cho Nguyễn Duy P xác định hiện trường nơi xảy ra vụ việc. Kết quả: P chỉ rõ các địa điểm, vị trí, lối đi trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của P và Biên bản khám nghiệm hiện trường.

Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1968, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vợ N) không biết số lợn N mua của P là do phạm tội mà có nên bà H không vi phạm pháp luật.

Khi bán cho P chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo và khi cho P thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1- 917.68, chị Phạm Thị Thanh B và chị Dương Thị N không biết việc P sử dụng số tiền do phạm tội mà có để mua điện thoại và thuê xe nên chị B và chị N không vi phạm pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành xác minh tại xã Đ, huyện H và Công ty may H để xác định người có tên L, sinh năm 1986 ở xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, do P không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể nên không xác định được.

Tại bản Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 12/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Nguyễn Duy P đồng ý trả chị Dương Thị N 1.500.000 đồng tiền thuê xe mô tô.

Người đại diện của Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tại lời khai có trong hồ sơ vụ án có trình bày: Công ty bị trộm cắp 19 con lợn giống siêu nạc và đã nhận được 19 con lợn, không yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị xử lý người trộm cắp theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H là vợ của Đỗ Văn N, bà H không biết việc N mua lợn do P trộm cắp. Sỗ tiền mua lợn là tài sản chung của vợ chồng, bà H không yêu cầu gì.

Chị Dương Thị N vắng mặt, tại lời khai có trong hồ sơ vụ án chị N trình bày: Chị N có cho Nguyễn Duy P thuê chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1-917.68 của anh Nguyễn Văn V cho mượn để cho thuê. P đặt 6.000.000 đồng để nhận xe. Tiền thuê xe 50.000 đồng/ngày, chị N yêu cầu P phải trả số tiền thuê xe mô tô là 1.500.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 01 năm 08 tháng tù đến 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm 04 tháng đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Duy P phải trả chị Dương Thị N 1.500.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/3/2021, Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N thỏa thuận với nhau về việc P sẽ đi trộm cắp lợn giống trong trang trại chăn nuôi lợn mang đến bán cho N. Đêm ngày 19 rạng ngày 20/3/2021, Nguyễn Duy P vào trang trại chăn nuôi lợn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn D thuê tại trang trại chăn nuôi của gia đình ông Chu Bá T- sinh năm 1962 ở thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang trộm cắp 19 con lợn giống có trị giá 45.600.000 đồng, mang đến bán cho N được với số tiền 32.500.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác. Giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 45.600.000 đồng. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Về vai trò: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo Nguyễn Duy P có vai trò chính vì bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản trộm cắp được và hưởng lợi do trộm cắp.

Bị cáo Đỗ Văn N có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực vì đã hứa hẹn trước và mua tài sản do P trộm cắp được.

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Duy P có nhân thân xấu vì ngày 28/2/2021 bị Công an xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Đỗ Văn N có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Duy P và Đỗ Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, các bị cáo ra đầu thú, bị cáo Đỗ Văn N có bố đẻ được tặng thưởng Bằng khen do có góp công sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vào vai trò, nhân thân của các bị cáo, yêu cầu đấu tranh tội phạm xâm hại quyền sở hữu tại địa phương, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Bị cáo Nguyễn Duy P có nhân thân xấu, có vai trò chính nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Bị cáo Đỗ Văn N có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội ít nghiêm trọng, là người giúp sức trong vụ án, bị cáo có nơi ở rõ ràng, có đủ điều kiện hưởng án treo theo nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Duy P thuộc diện hộ cận nghèo; Bị cáo Đỗ Văn N là người giúp sức, chưa được hưởng lợi, là người làm nghề nông nghiệp, chăn nuôi thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn D đã nhận lại 19 con lợn giống mà các bị cáo đã chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Chị Dương Thị N có yêu cầu Nguyễn Duy P phải trả số tiền thuê xe mô tô là 1.500.000 đồng, bị cáo đồng ý trả cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo trả chị N 1.500.000 đồng tiền thuê xe mô tô.

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo Đỗ Văn N phải bồi thường số tiền mà N đã sử dụng (là tài sản chung) để mua lợn của P nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1-917.68 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn V đã giao cho chị Dương Thị N quản lý thông qua quan hệ dân sự, chị N đã cho P thuê để sử dụng làm phương tiện đi lại nên cần trả lại cho chị N quản lý chiếc xe này nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Đối với số tiền 32.500.000 đồng P bán lợn trộm cắp được cho Đỗ Văn N là phương tiện phạm tội, trong đó: P đã mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo hết 3.000.000 đồng cần tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này; số tiền 1.600.000 đồng P giao nộp khi ra đầu thú cần tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 6.000.000 đồng P giao cho chị N khi thuê xe có nguồn gốc là tiền phạm tội cần buộc chị N phải nộp lại để sung quỹ nhà nước; Số tiền 5.000.000 đồng P trả cho người có tên là L nhưng không biết tên tuổi địa chỉ nên P phải chịu trách nhiệm nộp lại sô tiền này; Như vậy, P còn phải nộp lại số tiền để sung quỹ nhà nước là 21.900.000 đồng (32.500.000 đồng - 3.000.000 đồng - 6.000.000 đồng -1.600.000 đồng).

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906 Đỗ Văn N giao nộp là tài sản của N sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Chiếc tua vít dài 20cm P sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart và chiếc ví da do P giao nộp khi đầu thú là tài sản của P không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại điện thoại để đảm bảo thi hành án.

- 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, dài 23cm; 01 chiếc tua vít dài 30cm, chuôi bằng nhựa, màu đỏ - trắng; 01 chiếc tua vít dài 25cm, chuôi bằng cao su màu đen và 01 chiếc kìm cắt dài 18cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ đen thu giữ khi khám xét khẩn cấp là tài sản của P, không liên quan đến hành vi phạm tội, những đồ vật này đã cũ P không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc kìm cộng lực màu đen, dài 75cm thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của P là tài sản của ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1965, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (bố đẻ bị cáo P) không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 20/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T chiếc kìm này nên không xem xét.

- Chiếc kìm P sử dụng khi phạm tội, P khai đã làm rơi mất và không biết rơi ở đâu; chiếc gậy tre, sau khi sử dụng vận chuyển lợn đến khu nhà hoang, P đã vứt tại đó, Cơ quan điều tra đã truy tìm chiếc kìm và chiếc gậy tre này nhưng không thu được nên không xem xét.

- Chiếc điện thoại P sử dụng liên lạc với Đỗ Văn N khi phạm tội, P mang theo người khi lội qua Ngòi bị ngấm nước, bị hỏng, P đã vứt đi không thu được nên không xem xét.

- Xe mô tô nhãn hiệu Dream Prealm II, biểm kiểm soát 88F3- 5694 là xe của anh Lê Văn L- sinh năm 2004, trú tại thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang cho P mượn làm phương tiện đi lại. Anh L không biết P sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên anh L không vi phạm pháp luật. Ngày 20/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Lê Văn L chiếc xe mô tô này nên không xem xét.

- Ngày 07/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển chăn nuôi lợn D 19 con lợn giống đã được tạm giao vào ngày 27/3/2021 nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy P thuộc diện hộ cận nghèo cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo Đỗ Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: ngày 27/3/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 12/8/2021.

Giao bị cáo Đỗ Văn Nghĩa cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 472, Điều 473, Điều 481 của Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Duy P: Nguyễn Duy P phải trả chị Dương Thị N 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền thuê xe mô tô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho chị Dương Thị N quản lý 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1- 917.68 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy P 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart và chiếc ví da màu nâu nhưng tạm giữ lại điện thoại để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.600.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy P nộp lại số tiền 21.900.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Buộc chị Dương Thị N giao nộp lại số tiền 6.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chiếc kéo sắt màu đen, dài 23cm; 01 chiếc tua vít dài 30cm, chuôi bằng nhựa, màu sọc đỏ - trắng; 01 chiếc tua vít dài 20cm, chuôi bằng nhựa màu vàng đen; 01 chiếc tua vít dài 25cm, chuôi bằng cao su màu đen; 01 chiếc kìm cắt dài 18cm, chuôi bằng nhựa màu đỏ đen.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Đỗ Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Duy P.

[5] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an, Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo;
- Đương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ngô Quang Dũng